TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh;
2. Ông Trương Minh Mẫn;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1977; trú tại: Số 118 đường 3A, thôn 3, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1970; trú tại: Số 118 đường 3A, thôn 3, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:* Bà H với ông Trần Văn N chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000 cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Nay xét thấy tình cảm không còn bà H đề nghị Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Trần Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/8/2001 và cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại, cháu Trần Văn H1 đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu Trần Văn H2 thì nguyện vọng của bà H sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trần Văn N trình bày:* Ông N với bà Võ Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm, không có

tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Nay, bà Võ Thị H khởi kiện đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông N đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung: Cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/8/2001 và cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007. Các con chung phát triển bình thường. Hiện tại, cháu Trần Văn H1 đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu Trần Văn H2 thì ông N đồng ý giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Kết quả xác minh tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk:* Quá trình sinh sống tại địa phương từ năm 2000 cho tới nay, bà Võ Thị H với ông Trần Văn N không đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Bà H với ông N sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000 cho tới nay. Mặc dù, có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không thực hiện. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Văn N.

Về con chung: Giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* và bị đơn có nơi cư trú tại xã K, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2000, bà H với ông N tổ chức đám cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho tới nay nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng bà H với ông N không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận, thường xuyên to tiếng trong gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 cho tới nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N là đúng quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000 và khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị H.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung là cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/8/2001 và cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007, các con chung phát triển bình thường. Cháu Trần Văn H1 hiện tại đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét. Đối với cháu Trần Văn H2, quá trình giải quyết vụ án, bà H với ông N thống nhất giao cháu H2 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hoàng. Do đó, cần giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Ông Trần Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014656 ngày 17/02/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị H với ông Trần Văn N.

2. Về con chung: Đối với cháu Trần Văn H1, sinh ngày 19/8/2001 hiện nay đã trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Giao cháu Trần Văn H2, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Võ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Ông Trần Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014656 ngày 17/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- . . . . . ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Xuân Hải